

Bản án số: 03/2018/ HNGĐ - ST

Ngày 09 tháng 02 năm 2018

V/v tranh chấp ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Toàn;

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà: Nguyễn Thị Nam;

- Ông: Nguyễn Văn Gia.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 09 tháng 02 năm 2018, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 273/2017/TLST - HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017 về tranh chấp về Ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2018/ QĐXXST-HNGĐ ngày 30 tháng 01 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh ngày: 21/8/1981,

Nơi cư trú: Xóm Đ, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên

Bị đơn: Anh Hoàng Văn K, sinh ngày: 08/5/1979,

Nơi cư trú: Xóm A, xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên.

(Hai bên đương sự có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 13/12/2017, bản tự khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Hoàng Văn K kết hôn trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện không ai bị ép buộc lừa dối gì và có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật tại UBND xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Sau khi kết hôn cuộc sống chung vợ chồng tôi chung sống hòa thuận hạnh phúc cho đến khoảng đầu tháng 03 năm 2006 thì mâu thuẫn vợ

chồng phát sinh, nguyên nhân chính là do vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hòa hợp. Trong cuộc sống chung, nhiều khi anh K không tôn trọng chị, đã nhiều lần vợ chồng xảy ra to tiếng nhau, thậm chí có vài lần anh K đánh tôi. Chị và gia đình 2 bên có tham gia góp ý nhưng mối quan hệ và mâu thuẫn vợ chồng tôi không cải thiện được hơn mà ngày càng trầm trọng. Do thấy cuộc sống chung không có hạnh phúc nên chị và anh K đã sống ly thân nhau và không còn quan tâm đến nhau nữa từ tháng 3/2017 cho đến nay (Chị đã về nhà bố, mẹ đẻ ở).

Nay chị xác định tình cảm vợ chồng không còn quan tâm, thương yêu nhau nữa và ngày càng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh K theo quy định pháp luật.

Về con chung: Trong quá trình chung sống chị và anh K có với nhau 03 người con chung là cháu Hoàng Thị H, sinh ngày 07/11/2000, cháu Hoàng Ngọc A, sinh ngày 28/03/2006 và cháu Hoàng Đăng K, sinh ngày 10/01/2013, hiện các cháu đang ở anh K. Nếu ly hôn chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu K, còn anh K sẽ nuôi dưỡng cháu H và cháu A.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị T xác định quá trình chung sống vợ, chồng không có tài sản chung, công nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn Anh Hoàng Văn K trình bày: Anh K thống nhất với lời khai của chị T về việc kết hôn cũng như thời điểm vợ, chồng sống ly thân nhau như chị T trình bày trên là đúng. Mâu thuẫn vợ, chồng phát sinh từ đầu năm 2017, nguyên nhân chính là do chính là vợ, chồng bất đồng về quan điểm sống và tính cách không hòa hợp như ý kiến trình bày trên của chị T, hơn nữa trong cuộc sống chung đôi khi anh cũng thiếu tôn trọng chị T. Do vợ chồng có mâu thuẫn nên anh và chị T đã sống ly thân nhau từ tháng 03/2017 cho đến nay, anh có vài lần đến đón nhưng chị T không về chung sống cùng bố, con anh. Tại phiên tòa anh xác định tình cảm vợ, chồng tuy có mâu thuẫn nhưng chưa đến mức phải ly hôn, anh mong muốn chị T quay về đoàn tụ gia đình, nếu chị T kiên quyết xin ly hôn thì anh cũng nhất trí.

Về con chung: Quá trình chung sống anh và chị T có với nhau 03 con chung như lời trình bày trên của chị T, nếu ly hôn anh yêu cầu được chăm sóc nuôi dưỡng cả ba cháu, vì các cháu đang ở ổn định với anh từ nhiều tháng nay, anh không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Nhất trí ý kiến trình bày trên của chị T, không bổ sung gì thêm.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành hòa giải để cho các đương sự có thể thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án, song các đương sự vẫn giữ nguyên quan điểm về yêu cầu của mình. Vì vậy, vụ án được đưa ra xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bên đương sự vẫn giữ nguyên ý kiến của mình như đã nêu trên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án Hôn nhân và gia đình về việc yêu cầu ly hôn, nuôi dưỡng con chung giữa nguyên đơn là Chị Trần Thị T với bị đơn là Anh Hoàng Văn K cùng có nơi cư trú tại: xã Xã D, huyện P, tỉnh Thái Nguyên. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

[2] Về quan hệ hôn nhân và các yêu cầu của đương sự:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị T và Anh Hoàng Văn K kết hôn với nhau trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tho luật định nên được thừa nhận là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ.

Về tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh K xảy ra mâu thuẫn trong thời gian dài, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hòa hợp, cuộc sống chung anh K nhiều khi không có sự tôn trọng chị T. Do mâu thuẫn nên vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 03/2017 đến nay. Anh K không muốn ly hôn nhưng anh cũng không có biện pháp khắc phục và thay đổi để chị T về đoàn tụ gia đình, trên thực tế vợ, chồng đã sống ly thân nhau gần 01 năm nay. Tại phiên tòa chị T xác định tình cảm vợ chồng không còn nữa, đề nghị giải quyết cho được ly hôn, anh K xác định nếu chị T kiên quyết xin ly hôn anh cũng nhất trí. Hội đồng xét xử thấy đã có đủ căn cứ xác định tình trạng hôn nhân giữa chị T và anh K đã ở tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu xin được ly hôn của chị T là có căn cứ và đúng quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận và cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn K.

[2.2] Về con chung: Trong quá trình chung sống, chị T và anh K có 03 người con chung (Hiện cả ba cháu đang ở với anh K và ông bà nội). Khi ly hôn chị T có nguyện vọng được nuôi cháu Hoàng Đăng K, anh K có nguyện vọng nuôi cả 3 con chung. Xét yêu cầu của các bên đương sự, thấy:

Chị Trần Thị T hiện nay đang làm việc tại Công ty TNHH WELSTORY Việt Nam với mức lương bình quân là khoảng 7-9 triệu/01 tháng, tuy cháu Hoàng Đăng K đang ở với anh K nhưng hiện nay cháu còn nhỏ, nên rất cần sự chăm sóc trực tiếp của người mẹ hơn; hơn nữa chị T cũng có nguyện vọng được nuôi cháu. Không nên việc giao con cho chị T nuôi dưỡng sẽ đảm bảo mọi điều kiện về vật chất, tinh thần cho cháu được sống, học tập và phát triển bình thường và cũng phù hợp với

quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu Hoàng Đăng K cho chị T nuôi dưỡng là phù hợp.

Về yêu cầu được nuôi con chung của anh K, thấy: Mặc dù, cả ba cháu đều đang sống cùng anh Hoàng Văn K nhưng nếu để anh K tiếp tục nuôi dưỡng cả ba cháu thì sẽ không thể đáp ứng cho các cháu có điều kiện tốt nhất để các cháu trưởng thành và phát triển, hơn nữa anh K hiện là lao động tự do, thu nhập không ổn định, vì vậy không chấp nhận yêu cầu của anh K về việc được quyền chăm sóc nuôi dưỡng cháu Hoàng Đăng Khôi như đã phân tích nêu trên. Đối với yêu cầu được chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Hoàng Thị H và Hoàng Ngọc A, tại phiên tòa, chị T cũng nhất trí để anh K tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng các cháu H, A và cũng phù hợp với nguyện vọng của các cháu, nên cần tiếp tục giao hai cháu H và A cho anh K, chăm sóc nuôi dưỡng để cháu không bị xáo trộn, ảnh hưởng về điều kiện và hoàn cảnh sống.

Do chị T và anh K đều có nghĩa vụ nuôi dưỡng con chung và cũng không có yêu cầu được cấp dưỡng nuôi con nên tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho đến khi các bên đương sự có yêu cầu khác.

Về quyền thăm nom con chung: Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên đương sự có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị T và anh K xác định quá trình chung sống vợ, chồng không có tài sản chung và nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[2.4] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu một khoản án phí Ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước theo quy định của pháp luật.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 271 và Điều 273 của BLTTDS năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành Nghị quyết về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Trần Thị T được ly hôn anh Hoàng Văn K.

2. Về con chung:

- Giao cháu Hoàng Đăng K, sinh ngày 10/01/2013 cho chị Trần Thị T là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu K trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự túc được.

- Giao các cháu Hoàng Thị H, sinh ngày 07/11/2000 và Hoàng Ngọc A, sinh ngày 28/3/2006 cho anh Hoàng Văn K trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu H, A trưởng thành đủ 18 tuổi và có khả năng lao động tự túc được.

Tạm hoãn buộc thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho các bên đương sự cho đến khi có yêu cầu khác.

Hai bên đương sự đều có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, ngăn cấm. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự đều xác định không có tài sản chung, nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000 đồng án phí Ly hôn sơ thẩm sung quỹ Nhà nước, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí Ly hôn sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), theo biên lai số 0000304 ngày 21 tháng 12 năm 2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Chị T đã nộp đủ án phí Ly hôn sơ thẩm.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bên đương sự báo cho biết có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên bản án.

Nơi nhận:

- TAND, VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND, THADS huyện Phú Bình;
- UBND xã Dương Thành, H. Phú Bình;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Minh Toàn

THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Minh Toàn

